

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học giáo dục; Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN DANH NAM

2. Ngày tháng năm sinh: 05/10/1982; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tân Kim, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 30, Khu đô thị Pidenza, Phường Đồng Bầm, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Ban Đào tạo và Quản lý người học, Đại học Thái Nguyên, Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0979446224;
E-mail: danhnam.nguyen@tnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10 năm 2004 đến tháng 3 năm 2009: Giảng viên Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 4 năm 2009 đến tháng 6 năm 2012: Nghiên cứu sinh ngành Giáo dục Toán học tại Trường Đại học Würzburg, Cộng hòa Liên bang Đức

Từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012: Giảng viên Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 11 năm 2017: Phó trưởng phòng Phòng Đào tạo, Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 12 năm 2020: Trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 11 năm 2023: Trưởng ban Ban Đào tạo, Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 12 năm 2023 đến nay: Trưởng ban Ban Đào tạo và Quản lý người học, Đại học Thái Nguyên

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng ban

Cơ quan công tác hiện nay: Ban Đào tạo và Quản lý người học, Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 0208 3852651

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 7 năm 2004; số văn bằng: B600656; ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 01 năm 2008; số văn bằng: 00775; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Toán; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 6 năm 2012; ngành: Khoa học giáo dục; chuyên ngành: Giáo dục toán học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Würzburg, Cộng hòa Liên bang Đức

10. Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐCDGSNN ngày 08/10/2016 của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước; đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngành Giáo dục học ngày 15/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành: Khoa học giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu thứ nhất: Dạy học toán theo hướng phát triển năng lực toán học cho người học và ứng dụng công nghệ trong dạy học toán.** Các nghiên cứu theo hướng này tập trung vào phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực biểu diễn toán học và giáo dục STEM trong dạy học toán. Về ứng dụng công nghệ, các nghiên cứu tập trung vào dạy học trực tuyến, khai thác các phần mềm toán học động, các thiết bị cầm tay trong hỗ trợ dạy và học toán.

- **Hướng nghiên cứu thứ hai: Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên toán và phát triển chương trình giáo dục toán.** Các nghiên cứu theo hướng này tập trung vào đổi mới mô hình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên toán, quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm, phát triển chương trình giáo dục toán và nâng cao sự phù hợp nghề dạy học cho sinh viên sư phạm.

- **Hướng nghiên cứu thứ ba: Đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học.** Các nghiên cứu theo hướng này tập trung vào phát triển môi trường giáo dục đại học, hệ sinh thái giáo dục đại học, mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp, đổi mới quản trị đại học trong bối cảnh tự chủ đại học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **05** NCS bảo vệ thành công luận án TS (hướng dẫn chính: **03**, hướng dẫn phụ: **02**); đang hướng dẫn **05** NCS làm luận án TS;

- Đã hướng dẫn hơn **60** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01** đề tài cấp cơ sở; **02** đề tài cấp bộ;

- Đã công bố (số lượng) **119** bài báo khoa học, trong đó có **30** bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội thảo quốc tế (**16** bài báo trong danh mục WoS/Scopus);

- Số lượng sách đã xuất bản **12**, trong đó có **04** sách chuyên khảo, **05** giáo trình đào tạo đại học và sau đại học, **03** sách tham khảo và **11** chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm 2014, 2016, 2018 và 2023; Bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương năm 2020; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2018.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Về tiêu chuẩn của nhà giáo: Tôi luôn thực hiện nghiêm túc đạo đức nhà giáo, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tôn trọng và vì quyền lợi của người học. Sau khi được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư, tôi luôn không ngừng cố gắng, tích cực trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ. Tôi luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Về nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục; giữ gìn uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương cho người học. Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **17** năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 03 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2022-2023	01					150	150/290/54
2	2023-2024	01	02				105	105/256/54
3	2024-2025	03	02			30	75	105/326/54

(*) Thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định tại Quyết định số 2599/QĐ-ĐHTN ngày 15/12/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Cộng hòa Liên bang Đức năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Trung Hiếu	x		x		2015-2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	04/7/2022

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
2	Đặng Công Vĩnh	x			x	2016-2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	04/7/2022
3	Đồng Thị Hong Ngọc	x			x	2017-2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	13/9/2022
4	Nguyễn Văn Hưng	x		x		2017-2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	13/9/2022
5	Ammone Phomphiban	x		x		2018-2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	21/02/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	Education in a technological world: communicating current and emerging research and technological efforts	TK	Formatex Research Center, Spain, 2011	Nhiều tác giả		539-547 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
2	Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học môn Toán ở trường phổ thông	TK	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011	04		01-64 77-102 126-142	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
3	Understanding the development of the proving process - Suggestions for teaching proofs within a dynamic geometry environment	TK	Verlag Dr. Kovač, Hamburg, Germany, 2012	01	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
4	Giáo trình hình học sơ cấp	GT	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013	02	x	01-101	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
5	Giáo trình rèn luyện nghề nghiệp vụ sư phạm môn Toán	GT	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2014	04		152-197 211-220 231-262	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
6	Giáo trình bài tập hình học sơ cấp	GT	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015	02	x	13-63 158-226	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
7	Hình học của nhóm các phép biến hình	GT	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2015	01	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
8	Phương pháp mô hình hóa trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông	CK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2016	01	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
II	Sau khi được công nhận PGS						
1	Công bố khoa học giáo dục theo hướng tiếp cận quốc tế	TK	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2020	17		113-134 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
2	Công nghệ và giáo dục	TK	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2021	Nhiều tác giả		601-635 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
3	Giáo dục toán thực: Nghiên cứu và vận dụng	TK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021	26		93-118 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
4	Mô hình đào tạo giáo viên và quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam	TK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2021	02	x	07-117	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
5	Improving teacher education curriculum in Vietnam	TK	Nhà xuất bản Springer, 2022 (Scopus)	02	x	633-649 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
6	Công bố khoa học giáo dục từ góc độ xuất bản	TK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	18		162-189 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
7	Teacher education curriculum in Vietnam: Obstacles and new challenges	TK	Nhà xuất bản Routledge, 2022 (Scopus)	02	x	104-121 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
8	Collaboration between universities and businesses in Vietnam	TK	Nhà xuất bản Routledge, 2022 (Scopus)	03	x	153-168 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
9	Applying information and communication technology in mathematics teaching in high schools in Vietnam	TK	Nhà xuất bản Routledge, 2022 (Scopus)	04		169-189 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
10	Realistic mathematics education in Vietnam: Review of two decades of innovation in education	TK	Nhà xuất bản Routledge, 2022 (Scopus)	05		225-244 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
11	Sự phù hợp nghề dạy học của sinh viên sư phạm ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2023	03	x	06-94	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
12	Dạy học hình học	GT	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2024	03	x	07-49	Giấy xác nhận của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
13	Công bố khoa học giáo dục từ phân tích dữ liệu	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024	18	x	227-261	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
14	Preparing knowledge and skills for pedagogical students to teach interdisciplinary subjects: A case study of Vietnam	TK	Nhà xuất bản IGI Global, 2024 (Scopus)	02	x	47-69 (chương sách)	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên
15	Xu hướng giáo dục toán học phổ thông	CK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2025	10	x	10-33 69-118 387-508	Giấy xác nhận của Đại học Thái Nguyên

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **05** (STT: [5], [7], [8], [13], [14]).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, DT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Thiết kế bài giảng điện tử chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học môn Toán	CN	Cấp Cơ sở	3/2010-12/2010	Ngày 21/9/2010, xếp loại tốt
2	Nghiên cứu vận dụng phương pháp mô hình hóa trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông	CN	Cấp Bộ B2014-TN03-08	01/2014-01/2016	Ngày 21/5/2016, xếp loại tốt
II	Sau khi được công nhận PGS				
3	Nghiên cứu sự phù hợp nghề dạy học của sinh viên các trường đại học sư phạm ở Việt Nam	CN	Cấp Bộ B2021-TNA-09	01/2021-01/2023	Ngày 26/7/2023, xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; DT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Hướng nghiên cứu 1: Dạy học toán theo hướng phát triển năng lực toán học cho người học và ứng dụng công nghệ trong dạy học toán								
I.1	Trước khi được công nhận PGS							
1	Các mức độ ứng dụng e-learning ở trường đại học sư phạm	01	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			175, 41-43	10/2007
2	Một số kỹ thuật sử dụng đa phương tiện trong dạy học trực tuyến	03		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh ISSN 1859-2228			40, 3A, 81-85	9/2011
3	Mô hình Toulmin trong lập luận và chứng minh hình học	02		Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về giáo dục toán học ở trường phổ thông, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam			471-481	10/2011
4	A differentiated e-learning teaching program in mathematics	02	x	Teaching Mathematics and Computer Science, ISSN 1589-7389			10, 02, 299-308	02/2012
5	Understanding the development of the proving process within a dynamic geometry environment	01	x	Beiträge zum Mathematikunterricht, WTM-Verlag, ISBN 978-3-942197-18-2			Band 2, 625-628	3/2012
6	The development of the proving process within a dynamic geometry environment	01	x	European Researcher, ISSN 2219-8229			32, 10-2, 1731-1744	10/2012
7	Phương pháp mô hình hóa trong dạy học toán ở trường phổ thông	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường đại học sư phạm toàn quốc, Nhà xuất bản Đà Nẵng			512-516	5/2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
8	Khai thác biểu diễn bội trong dạy học môn toán ở trường phổ thông	01	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 8, 101-103	8/2013
9	Bồi dưỡng năng lực toán học hóa tình huống thực tiễn cho học sinh thông qua dạy học chủ đề xác suất thống kê	02	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 8, 104-106	8/2013
10	Vai trò của biểu diễn bội trong dạy học môn Toán	01	x	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN 2354-1075			58, 08, 70-78	9/2013
11	Sử dụng lập luận ngoại suy trong chứng minh hình học	01	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			319, 41-43	10/2013
12	Vận dụng khái niệm “tựa đối ngẫu” trong dạy học hình học ở trường phổ thông	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			325, 50-53	01/2014
13	Tri thức phương pháp chứng minh trong giải toán ở trường trung học phổ thông	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			329, 57-59	3/2014
14	Cấp độ phát hiện bất biến hình học trong quá trình chứng minh	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			118, 04, 179-184	3/2014
15	Tư duy thống kê trong dạy học toán ở trường phổ thông	01	x	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về nghiên cứu giáo dục toán học theo hướng phát triển năng lực người học giai đoạn 2014-2020, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, ISBN 978-604-54-1697-6			39-45	8/2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	Vận dụng PISA đánh giá chất lượng học tập môn Toán ở các trường phổ thông	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			353, 42-44	3/2015
17	Năng lực suy luận thống kê của học sinh trung học phổ thông	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 5, 162-165	5/2015
18	An empirical research on the use of mobile phones to support students' mathematics learning	02	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research, ISSN 1694-2116	Scopus từ năm 2018 (Q3) CiteScore= 2.2		12, 01, 133-141	6/2015
19	Vận dụng bản đồ khái niệm trong dạy học môn Toán	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 6, 103-105	6/2015
20	Quy trình mô hình hóa trong dạy học toán ở trường phổ thông	01	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, ISSN 2615-9325			31, 03, 01-10	9/2015
21	Thiết kế hoạt động mô hình hóa trong dạy học môn Toán	01	x	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN 2354-1075			60, 8A, 152-160	9/2015
22	Năng lực mô hình hóa toán học của học sinh phổ thông	01	x	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN 2354-1075			60, 8, 44-52	10/2015
23	Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học hình học không gian	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			147, 02, 125-130	3/2016
24	Năng lực mô hình hóa của giáo viên toán phổ thông	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			380, 43-46	4/2016
25	Modelling in Vietnamese school mathematics	01	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research,	Scopus từ năm 2018 (Q3)		15, 06, 114-126	5/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				ISSN 1694-2116	CiteScore= 2.2			
26	Xây dựng mô hình toán học trong dạy học xác suất thống kê cho sinh viên khối ngành kinh tế	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			152, 07, 163-169	7/2016
I.2	Sau khi được công nhận PGS							
27	Đánh giá hiệu quả của một số dự án học tập liên hệ toán học với thực tiễn	02	x	Tạp chí Quản lý Giáo dục, ISSN 1859-2910			09, 02, 36-41	02/2017
28	Phát triển năng lực suy luận ngoại suy cho học sinh thông qua dạy học hình học ở trường trung học cơ sở	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			407, 32-36	6/2017
29	Nâng cao chất lượng giáo dục STEM ở các trường tiểu học tỉnh Tuyên Quang	02	x	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, ISBN 978-604-915-561-1			176-185	8/2017
30	Máy tính cầm tay đồ họa - Phương tiện hỗ trợ dạy học toán ở trường phổ thông	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			423, 44-47	02/2018
31	Dạy học kiến tạo chủ đề nguyên hàm tích phân ở trường trung học phổ thông nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 5, 297-301	5/2018
32	The role of lecturers and factors affecting individual working	02		Proceedings of the 11 th Asian Conference on Education,			267-282	6/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	competency of students at Thai Nguyen University - Vietnam through mathematical modeling process			ISSN 2186-5892				
33	A model for using mobile phones in teaching and learning mathematics	02		American Research Journal of Humanities and Social Science, E-ISSN 2378-702X			02, 07, 08-12	7/2019
34	Day học giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình theo phương pháp mô hình hóa	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			206, 13, 71-78	9/2019
35	Quy trình mô hình hóa trong dạy học đại số ở trường trung học phổ thông nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			209, 16, 62-69	12/2019
36	Một số vấn đề về giáo dục toán học gắn liền với thực tiễn	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			487, 01, 15-21	10/2020
37	Sử dụng toán học hóa trong dạy học môn Toán lớp 10	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		225, 15, 63-70	12/2020
38	Application-level of STEM education in teaching school mathematics in Vietnam	02	x	Journal of Physics: Conference Series, ISSN 1742-6596 DOI: 10.1088/1742-6596/1835/1/012021	Scopus (Q4) CiteScore= 1.3		1835, 012021	3/2021
39	Đề xuất quy trình dạy học mô hình hóa toán học trong xác suất thống kê ở bậc đại học	02		Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			497, 01, 08-14	3/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
40	Designing “Saving Pig” STEM activity for Vietnamese primary schools	02	x	Journal of Physics: Conference Series, ISSN 1742-6596 DOI: 10.1088/1742-6596/1835/1/012057	Scopus (Q4) CiteScore= 1.3		1835, 012057	3/2021
41	Factors influencing teachers’ intention to employ realistic mathematics education in Vietnam: An extension of the theory of planned behavior	09		Journal on Mathematics Education, ISSN 2087-8885 DOI: 10.22342/jme.12.2.14094.331-348	Scopus (Q2) CiteScore= 4.2		12, 02, 331-348	4/2021
42	Thực trạng dạy học mô hình hóa ở trường trung học phổ thông nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		226, 12, 54-62	9/2021
43	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học hình học lớp 6 ở trường trung học cơ sở	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		226, 18, 107-115	12/2021
44	Tổ chức dạy học mô hình hóa chủ đề “Nguyên hàm - tích phân” ở trường trung học phổ thông	03	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			22, 02, 17-22	01/2022
45	Teaching of mathematical modeling at high school in Lao People’s Democratic Republic	02	x	TNU Journal of Science and Technology, ISSN 2734-9098	ACI		227, 04, 138-146	3/2022
46	Giải pháp phát triển giáo dục STEM ở trường phổ thông Việt Nam	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		227, 09, 551-558	6/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
47	Research on the application of ICT in mathematics education: Bibliometric analysis of scientific bibliography from the Scopus database	06		Cogent Education, ISSN 2331-186X DOI: 10.1080/2331186x.2022.2084956	ESCI, Scopus (Q2) CiteScore= 2.3		9-1, 2084956	12/2022
48	Der Flut begegnen: MINT-Bildung in Vietnamesischen Schulen	02	x	Mathematik Lehren, ISSN 0175-2235	Tạp chí uy tín của CHLB Đức		237, 8-13	4/2023
49	Factors influencing the use of digital games in teaching: An exploratory study in the context of digital transformation in northern Vietnam	05	x	International Journal of Emerging Technologies in Learning, ISSN 1863-0383 DOI: 10.3991/ijet.v18i08.36243	Scopus (Q1) CiteScore= 5.0		18, 08, 164-182	4/2023
50	Khai thác tình huống tích hợp giáo dục tài chính trong dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông	03		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		228, 04, 155-164	4/2023
51	The use of calculators in teaching mathematics: A survey in Vietnam	02	x	Mathematics Teaching-Research Journal, ISSN 2573-4377	Scopus (Q4) CiteScore= 1.7		15, 04, 05-25	10/2023
52	Tiếp cận văn hóa toán học trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753	ACI		24, 08, 17-22	4/2024
53	Rèn luyện kỹ năng mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua bài học STEM chủ đề hình học không gian lớp 11 trung học phổ thông	03		Tạp chí Quản lý Giáo dục, ISSN 1859-2910			16, 04, 158-163	4/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
54	A bibliometric analysis and visualization of digital teaching and learning publications from Southeast Asian countries	06	x	European Journal of Education, ISSN 0141-8211 DOI: 10.1111/EJED.12781	SCIE, Scopus (Q1) CiteScore= 4.5		59, 04, e12781	9/2024
55	Vietnamese sixth graders' mathematical communication competency developed by teaching fraction topics using the 5E model	06		Heliyon, ISSN 2405-8440 DOI: 10.1016/j.heliyon.2024.e39440	SSCI, Scopus (Q1) CiteScore= 4.5		10, 20, e39440	10/2024
56	Mathematical modelling in higher education: Evolving research and emerging trends (1980-2023)	04		Infinity Journal, ISSN 2089-6867 DOI: 10.22460/infinity.v14i2.p393-418	Scopus (Q2) CiteScore= 2.3		14, 02, 393-418	02/2025
57	Day học phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn cho học sinh lớp 12 nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			230, 12, 3-11	5/2025
Hướng nghiên cứu 2: Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên toán và phát triển chương trình giáo dục toán								
II.1	Trước khi được công nhận PGS							
58	Recommendations for mathematics curriculum development in Vietnam	02	x	Proceedings of the 6 th International Conference on Educational Reform, ISSN 1906-0653			26-32	3/2013
59	Giải pháp pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường sư phạm	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 11, 16-18	11/2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
60	Cơ chế phối hợp giữa trường sư phạm và trường phổ thông trong đào tạo giáo viên theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 3, 31-33	3/2015
61	Phát triển nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động thực tế môn học ở trường phổ thông	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 10, 94-97	10/2015
62	Hồ sơ năng lực sinh viên ngành sư phạm toán	01	x	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia về phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên Toán phổ thông, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, ISBN 978-604-54-2548-0			294-301	11/2015
63	Nâng cao hiệu quả dạy học toán bằng tiếng Anh ở các trường sư phạm	02	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường sư phạm toàn quốc, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, ISBN 978-604-0-07475-1			22-25	12/2015
64	Chuẩn năng lực của giảng viên sư phạm	01	x	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về bồi dưỡng năng lực cho giảng viên các trường sư phạm, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, ISBN 978-604-80-1310-3			334-342	12/2015
65	Một số ý kiến về phát triển chương trình môn Toán phổ thông	01	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục, ISSN 0868-3662			Đặc biệt tháng 1, 25-29	01/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
66	Vấn đề mô hình hóa trong chương trình sách giáo khoa môn Toán phổ thông	02	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục, ISSN 0868-3662			127, 10-12	4/2016
67	Kĩ năng thiết kế kế hoạch dạy học theo hướng tích hợp cho giáo viên tiểu học	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 5, 144-147	5/2016
68	Nâng cao hiệu quả bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục	02		Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 10, 02-05	10/2016
69	Tìm hiểu mô hình đào tạo thạc sĩ giảng dạy của trường đại học Wollongong (Australia)	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 10, 164-167	10/2016
70	Nâng cao năng lực dạy học toán bằng tiếng Anh cho đội ngũ giáo viên tiểu học	02	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục, ISSN 0868-3662			134, 86-89	11/2016
71	Promoting students' interest in scientific research activities at universities of education	02	x	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN 2354-1075			61, 11, 75-80	11/2016
72	An inquiry model for mathematics teachers' professional development	01	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, ISSN 2615-9325			32, 04, 21-28	12/2016
II.2	Sau khi được công nhận PGS							
73	Teacher training curriculum development: A profession-oriented approach in Vietnamese teacher training universities	02	x	Proceedings of the International Conference on Teachers and Educational Administrators' Competence in the Context of			76-85	11/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Globalisation, Vietnam National University Press, ISBN 978-604-961-024-0				
74	Surveying modeling competence of students in economics and bussiness administration through analyzing training programs	02	x	Vietnam Journal of Education, ISSN 2588-1477			02, 74-80	3/2018
75	Phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			198, 05, 141-151	6/2019
76	An ethnomathematical approach in mathematics education: A case study of Vietnamese secondary schools	03	x	Proceedings of the First International Conference on Teacher Education Renovation, Thai Nguyen University Publishing House, ISBN 978-604915759-2			433-439	9/2019
77	Teacher's competence of integrated teaching at primary schools	02	x	Journal of Physics: Conference Series, ISSN 1742-6596 DOI: 10.1088/1742-6596/1340/1/012023	Scopus (Q4) CiteScore= 1.3		1340, 012023	10/2019
78	Thực trạng vấn đề quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục, ISSN 0868-3662			22, 07-12	10/2019
79	Năng lực phát triển chương trình giáo dục nhà trường trong dạy học môn Toán	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			Đặc biệt tháng 10, 21-23	10/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
80	Mô hình đào tạo giáo viên của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	03		Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			466, 02, 06-11	11/2019
81	Mô hình quản lý đào tạo giáo viên trên thế giới	01	x	Tạp chí Quản lý Giáo dục, ISSN 1859-2910			11, 11, 03-09	11/2019
82	Kinh nghiệm quốc tế trong quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			468, 02, 07-10	12/2019
83	Quan điểm và nguyên tắc quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			209, 16, 108-114	12/2019
84	Solutions for restructuring the teacher education system in Vietnam	02		Vietnam Journal of Education, ISSN 2588-1477			04, 01, 09-13	3/2020
85	Restructuring the teacher education system in Vietnam	02	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research, ISSN 1694-2116 DOI: 10.26803/ijlter.19.4.3	Scopus (Q3) CiteScore= 2.2		19, 04, 29-43	5/2020
86	Đánh giá chương trình bồi dưỡng giảng viên sư phạm	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			478, 02, 07-11	5/2020
87	Vận dụng một số lý thuyết dạy học trong đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		225, 10, 136-144	9/2020
88	Tác động xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam	02		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, ISSN 1859-3100			17, 08, 1379-1387	10/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
89	Đánh giá năng lực phát triển các trường sư phạm chủ chốt thông qua bộ chỉ số TEIDI	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		226, 04, 62-69	4/2021
90	Bước đầu đánh giá sự phù hợp nghề dạy học của sinh viên sư phạm	03	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		226, 08, 357-364	6/2021
91	Sự phù hợp nghề của sinh viên sư phạm	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			505, 01, 01-07	7/2021
92	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và mô hình đào tạo giáo viên theo định hướng chuẩn	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		226, 18, 03-11	12/2021
93	Key pedagogical universities and restructuring teacher education institutions: A case study of Vietnam	02	x	European Journal of Contemporary Education, E-ISSN 2305-6746 DOI: 10.13187/ejced.2022.3.858	ESCI, Scopus (Q2) CiteScore= 2.9		11, 3, 858-872	9/2022
94	Enhancing STEM teaching competency for mathematics teachers in Vietnam	02	x	AIP Conference Proceedings, ISSN 0094-243X DOI: 10.1063/5.0111691	Scopus		2685, 01, 050007	5/2023
95	Kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá sự phù hợp nghề dạy học và định hướng vận dụng cho Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		228, 08, 336-345	6/2023
96	Tiếp cận hiện đại trong phát triển chương trình giáo dục đại học	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		228, 12, 305-314	10/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
97	Nghề dạy học và sự hấp dẫn của nghề dạy học	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		228, 12, 382-392	10/2023
98	The suitability of teaching profession for pedagogical students: The Vietnamese view	01	x	Policy Futures in Education, ISSN 1478-2103 DOI: 10.1177/14782103231151367	ESCI, Scopus (Q2) CiteScore= 3.1		02, 02, 243-260	02/2024
99	Đề xuất cơ cấu mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753	ACI		24, 06, 35-40	3/2024
100	Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề dạy học của sinh viên sư phạm ở Việt Nam	01	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753	ACI		24, Đặc biệt 8, 17-22	8/2024
Hướng nghiên cứu thứ 3: Đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học								
III	Sau khi được công nhận PGS							
101	Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	02	x	Tạp chí Quản lý Giáo dục, ISSN 1859-2910			10, 10, 07-11	10/2018
102	Comparative analysis of national and international educational science articles in Vietnam: Evidence from the Introduction, Methods, Results, and Discussion structure	05		European Journal of Educational Research, ISSN 2165-8714 DOI: 10.12973/euler.9.3.1367	Scopus (Q3) CiteScore= 4.3		09, 03, 1367-1376	7/2020
103	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		227, 13, 41-49	10/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
104	Nghiên cứu khoa học giáo dục trong bối cảnh hiện nay	02		Kỷ yếu Hội thảo khoa học về khoa học giáo dục với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN 978-604-369-627-1			41-52	11/2022
105	Review of higher education policies during pandemic Covid-19: A Vietnamese perspective	02	x	Journal for Educators, Teachers and Trainers, ISSN 1989-9572 DOI: 10.47750/jett.2023.14.04.013			14, 04, 138-149	3/2023
106	Research competence of university lecturers in the context of international integration	01	x	Proceedings of the Forum on Internationalization in Higher Education, Labour Publishing House, ISBN 978-604-393-896-8			36-53	3/2023
107	Giải pháp tăng cường hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam	02		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		228, 04, 74-81	4/2023
108	Sự thay đổi của môi trường giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học	02		Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			23, Đặc biệt 9, 61-66	9/2023
109	Xu hướng nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục: Một phân tích tổng quan	05		Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			23, Đặc biệt 9, 78-83	9/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
110	Digital transformation in education: A bibliometric analysis utilizing the Scopus database (1999-2022)	07	x	European Science Editing, ISSN 2518-3354 DOI: 10.3897/ese.2023.e107138	ESCI, Scopus (Q2) CiteScore=1.9		49, e107138	12/2023
111	Emerging trends of digital transformation in higher education: A Vietnamese perspective	01	x	Proceedings of the Third International Conference on Innovation in Learning Instruction and Teacher Education, University of Education Publisher, ISBN 978-604-54-5451-0			40-52	12/2023
112	Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực các lĩnh vực STEM: Nghiên cứu trường hợp tại Đại học Thái Nguyên	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		228, 16, 26-35	12/2023
113	Đảm bảo chất lượng đào tạo trực tuyến tại Đại học Thái Nguyên: Thách thức và giải pháp	01	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học về đảm bảo chất lượng đào tạo trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, ISBN 978-604-350-372-2			226-237	5/2024
114	Thực trạng và giải pháp đào tạo liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học tại Đại học Thái Nguyên	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		229, 8, 183-193	6/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
115	Quan niệm về hệ sinh thái giáo dục số trong các trường đại học ở Việt Nam	03	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753	ACI		24, Đặc biệt 9, 01-07	8/2024
116	Mô hình đại học vùng tại Đại học Thái Nguyên: Những khó khăn và thách thức trong bối cảnh tự chủ đại học	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171	ACI		229, 12, 58-70	10/2024
117	Phát triển phân hiệu của đại học vùng trong bối cảnh tự chủ đại học: Nghiên cứu tại Đại học Thái Nguyên	03	x	Kỷ yếu Hội thảo gắn kết trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, Nhà xuất bản Tài chính, ISBN 978-604-79-4645-7			29-35	11/2024
118	Thực trạng môi trường giáo dục đại học Việt Nam: Góc nhìn từ phía cán bộ quản lý và giảng viên đại học	02	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN 2354-0753			25, 10, 1-6	5/2025
119	Thực trạng và giải pháp triển khai khung trình độ quốc gia Việt Nam	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171			230, 8, 163-174	6/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS: **10** (STT: [38], [40], [49], [51], [54], [77], [85], [93], [98], [110]).

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Toán học	Tham gia	Quyết định số 1762/QĐ-ĐHSP ngày 03/6/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Quyết định số 1427/QĐ-ĐHSP ngày 26/5/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm	
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Tham gia	Quyết định số 424/QĐ-ĐHSP ngày 28/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Quyết định số 2151/QĐ-ĐHSP ngày 07/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	
3	Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Tham gia	Quyết định số 438/QĐ-ĐHSP ngày 23/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	Quyết định số 2429/QĐ-ĐHSP ngày 29/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	
4	Chương trình, tài liệu bồi dưỡng trực tuyến cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học về phát triển chương trình đào tạo	Tham gia	Quyết định số 448/QĐ-NGCBQLGD ngày 23/5/2022 của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục đại học	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Danh Nam